

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2024.

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình,  
xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;

2. Ông Đặng Tấn Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phùng Văn P**, sinh năm 1994; cư trú: **Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Chỗ ở hiện nay: **Nhà T, đường N, tổ B, khu phố S, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương**;

Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1995; cư trú: **Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**.

(Ông **P** vắng mặt có đơn; bà **H** vắng mặt lần 2)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo Ông P1 Văn Phòng trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ được một năm sau khi kết hôn vợ chồng ông bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bắt đầu từ bất đồng quan điểm sống đến những chuyện nhỏ trong gia đình cũng làm vợ chồng tranh cãi lớn tiếng và ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể hòa hợp. Hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Bà H bỏ đi từ tháng 9/2020 cho đến nay không còn liên lạc. Nhận thấy không có khả năng hàn gắn, quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông P nộp đơn xin ly hôn với bà H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà H. Đồng thời, ông xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà H theo quy định nhưng bà vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông P, bà H để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Công an xã V cấp ngày 26/01/2024 thể hiện bà Trần Thị H có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin tách, chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông Phùng Văn C - cha ruột của ông P cho biết hôn nhân của ông P và bà H đúng như lời ông P trình bày. Sau khi kết ông bà đi làm ở Bình Dương nên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ông không rõ chỉ biết ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã khiến cho đời sống vợ chồng không thể hòa hợp. Gia đình ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành, bà H bỏ đi cắt đứt liên lạc từ tháng 9/2020 cho đến nay.

Nay ông P nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn ông không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bà H đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông P chung sống với bà H đến năm 2020 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà H hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Phùng Văn P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông P và bà H xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông P vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà H. Tại phiên hòa giải, ông P yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2020 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai

bên đề ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Ông P cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã khiến cho vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Ông và bà H đã ly thân bà Hiền t khoảng tháng 9/2020 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phòng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn P.

1. Về hôn nhân: Ông Phùng Văn P được ly hôn với bà Trần Thị H.

2. Về án phí: Ông Phùng Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009261 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông P đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2024) thời hạn kháng cáo của ông P và bà H được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

